TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-06-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lê Xuân Nghĩa**
2. Ông **Hoàng Văn Đông**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Kim Lân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Văn Hội** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 82/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T** - sinh năm 1977.
Địa chỉ:, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**- sinh năm 1970.
Địa chỉ: thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
(Chị T vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2018; bản tự khai ngày 15/03/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản hòa giải ngày 30/03/2018 nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Ht ự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 mà không có đăng ký kết hôn tại. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo cho cuộc sống của vợ con, tính tình vợ chồng lại không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, bất đồng trong cuộc sống, anh H nhiều lần có hành vi bạo hành gia đình với chị. Chị nhiều lần tha thứ và khuyên ngăn anh H nhưng anh H vẫn không thay đổi. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung như vợ chồng không thể tiếp tục vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hùng.

- Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Kiều L sinh ngày 30/03/1999, Nguyễn Quốc T sinh ngày 22/05/2001 và Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 23/07/2003. Khi ly hôn, do con chung Nguyễn Thị Kiều L đã thành niên nên chị T đồng ý giao 02 con chung Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị Hồng N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000 đồng chia đều cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung thành niên.

- Về tài sản chung*:* Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 15/03/2018; biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/03/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản hòa giải ngày 30/03/2018 và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T sống chung như vợ chồng từ năm 1998 đến nay mà không đăng ký kết hôn do cuộc sống kinh tế khó khăn, anh và chị T lo đi làm phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng sống chung đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hay xảy ra cãi vả, bất đồng trong cuộc sống. Thời gian gần đây anh có đánh chị T nên chị T đã bỏ nhà đi, từ khi chị T bỏ nhà đi chị T không quay trở về nhà, không liên lạc được. Nay chị T có yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý do còn thương con.

- Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Kiều L sinh ngày 30/03/1999, Nguyễn Quốc T sinh ngày 22/05/2001 và Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 23/07/2003. Khi ly hôn, anh H cũng không đồng ý nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị Hồng N và không đồng ý về việc chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

1) Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H.

2) Về con chung: Mặc dù anh H không đồng ý nuôi con và mức cấp dưỡng do chị T đưa ra nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện điều kiện nuôi con và nguyện vọng của các con nên giao con chung tên là Nguyễn Quốc T sinh ngày 22/05/2001 và Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 23/07/2003 cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn, chị T

tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000 đồng chia đều cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung thành niên là có cơ sở ghi nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

3) Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Văn H hiện cư trú tại khu phố 114, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh H nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Trần Thị T là nguyên đơn; anh Nguyễn Văn H là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ sao gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[5] Về hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 và cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Đời sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài mặc dù anh H không đồng ý ly hôn với chị T, nhưng chị T không muốn hàn gắn tình cảm và không tiếp tục sống chung vợ chồng.

Do chị T và anh H không đăng ký kết hôn và theo Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này*". Vì vậy, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H.

[6] Về con chung: Chị T và anh Hcó có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Kiều L sinh ngày 30/03/1999, Nguyễn Quốc T sinh ngày 22/05/2001 và Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 23/07/2003.

Qua lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án thể hiện sau khi chị T và anh H sống ly thân thì các con chung chưa thành niên là Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị Hồng N do anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, do con chung Nguyễn Thị Kiều L đã thành niên nên khi ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc Th và Nguyễn Thị Hồng N, cháu T và cháu N

đã có đơn trình bày thể hiện nguyện vọng được ở chung với anh H để anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các cháu.

Tại phiên tòa, tuy anh H không đồng ý nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Kiều L và Nguyễn Quốc T vì lý do chị T yêu cầu ly hôn với anh và không chịu tiếp tục chung sống như vợ chồng nhưng căn cứ vào biên bản xác minh tại địa phương ngày 28/05/2018 thể hiện sau khi anh H và chị T sống ly thân thì cháu L và cháu T vẫn ở chung với anh H, do anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, vẫn đi học bình thường và cháu L, cháu T vẫn đang phát triển bình thường, khỏe mạnh, không có dấu hiệu đau bệnh hoặc ảnh hưởng về tâm lý và cháu L, cháu T đã có đơn trình bày thể hiện nguyện vọng được ở chung với anh H để anh Htrực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các cháu.

Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung tên là Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị Hồng N cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000 đồng chia đều cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung thành niên nên ghi nhận sự tự nguyện về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị T. Chị T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật Dân sự nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật Dân sự.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1) Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H.

2) Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Quốc T sinh ngày 22/05/2001 và Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 23/07/2003 cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000 đồng chia đều cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung thành niên. Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom

con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật Dân sự nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật Dân sự.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 004569 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán được cấn trừ vào số tiền án phí mà chị T phải chịu. Chị Trần Thị T phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục Thi hành án dân sự Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND TT. Định Quán.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn